

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 315 /KH-STC

An Giang, ngày 24 tháng 03 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Kế hoạch số: 64/ KH-UBND ngày 19/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch thực hiện công tác Phòng chống tham nhũng năm 2020;

Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 (Viết tắt: PCTN), như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Tiếp tục thực hiện hiệu quả PCTN và các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhằm phòng ngừa và từng bước đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, chú trọng quán triệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về PCTN để nâng cao ý thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm trong PCTN.

Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp PCTN; nâng cao ý thức, trách nhiệm và hành động qua tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là của người đứng đầu; phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong công tác PCTN.

Phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi, vụ việc, vụ án tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng theo quy định của pháp luật; từng bước đẩy lùi tham nhũng, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu lực quản lý; thực hiện các biện pháp về giáo dục về chính trị, tư tưởng, không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực và kiên quyết xử lý đối với tham nhũng nhằm củng cố lòng tin của cán bộ, công chức, viên chức.

2. Yêu cầu:

Việc thực hiện công tác PCTN phải gắn với việc thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng; Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí;

Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện công tác PCTN đến năm 2020; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021; Chỉ thị số 10/CT TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

Kế hoạch số 485/KH-UBND ngày 08/8/2018 của ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ; Chỉ thị số 1666/CT-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về tăng cường thực hiện các biện pháp PCTN trên địa bàn.

Tất cả cán bộ, công chức cơ quan phải quán triệt, phát huy vai trò trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ giữ vai trò chủ chốt ở từng phòng trong thực hiện PCTN, gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

II. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện Kế hoạch số 64/ KH-UBND ngày 19/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch thực hiện công tác PCTN năm 2020;

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, trọng tâm là Luật PCTN năm 2018, các văn bản hướng dẫn thi hành và nhất là những quy định mới về kiểm soát tài sản, thu nhập. Chủ động lựa chọn nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng và tình hình nhiệm vụ tại cơ quan, bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 693/KH-UBND ngày 01/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2019 - 2021; Kế hoạch số 704/KH-UBND ngày 05/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN năm 2020 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Xác định công tác PCTN là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cơ quan, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải luôn gương mẫu, liêm khiết, quyết liệt, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN.

Đề ra biện pháp quản lý để phát hiện kịp thời những thiếu sót trong công tác quản lý tài chính Ngân sách và tài sản công; kịp thời phát hiện và kiên quyết

xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm đối với cán bộ có hành vi tham nhũng.

Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng theo Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 và Nghị định số 211/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về PCTN với phương châm “*giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu*”.

Cụ thể, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng sau:

2.1. Thực hiện công khai việc triển khai thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội, các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ... nhằm mục đích phòng ngừa tham nhũng.

Thực hiện công khai, minh bạch định mức chi thường xuyên, dự toán và quyết toán thu, chi Ngân sách hàng năm của các cấp Ngân sách, các đơn vị sử dụng Ngân sách và công khai minh bạch trên các lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất, đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư và dự án đầu tư.

Văn phòng Sở và Trung tâm Thẩm định và Dịch vụ Tài chính thực hiện nghiêm việc lập, chấp hành dự toán, quyết toán các nguồn kinh phí và thực hiện công khai theo định kỳ đảm bảo đúng nội dung, hình thức, thời gian quy định.

2.2. Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức:

Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh An Giang.

Không bỏ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo, quản lý khi không đủ điều kiện, tiêu chuẩn và xem xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với những cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức không thực hiện nghiêm túc việc kê khai, công khai, giải trình hoặc thiếu trung thực trong việc kê khai tài sản, thu nhập; có

hành vi vi phạm các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTN, lãng phí.

2.3. Về kê khai minh bạch tài sản:

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thực hiện các quy định về kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện phải kê khai và quy định số 584-QĐ/TU ngày 10/11/2017 của Tỉnh ủy về việc kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên thuộc cấp mình và cấp dưới quản lý.

2.4. Thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức công vụ; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm hành chính công theo Quyết định 1094/QĐ-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh.

3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tự kiểm tra phát hiện và xử lý tham nhũng

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tự kiểm tra, ở lĩnh vực tài chính, ngân sách; đầu tư xây dựng cơ bản; chương trình mục tiêu quốc gia; tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức...

Tập trung giải quyết kịp thời, có chất lượng các vụ việc tố cáo hành vi tham nhũng thuộc thẩm quyền, thông tin phản ánh về tham nhũng, nhất là tố cáo, phản ánh trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thực hiện tốt việc khen thưởng, bảo vệ người tố cáo, tố giác hành vi tham nhũng.

Kịp thời thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra. Phối hợp với cơ quan đảng, cơ quan tư pháp trong công tác đấu tranh PCTN, nhất là đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ việc, vụ án tham nhũng phát hiện qua công tác thanh tra.

Thực hiện công tác giám định tư pháp theo tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 696-CV/TU ngày 04/01/2019 nâng cao chất lượng đội ngũ giám định viên tư pháp nhất là trong lĩnh vực tài chính – kế toán để phục vụ tích cực việc giải quyết các vụ việc, vụ án tham nhũng.

4. Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

Đoàn thể cơ quan nâng cao vai trò giám sát việc thực hiện pháp luật PCTN; phối hợp cơ quan tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm pháp luật về PCTN; vận động tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức có dấu hiệu tham nhũng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Văn phòng, Thanh tra, các Phòng chuyên môn, Trung tâm trực thuộc Sở theo chức năng nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện Kế hoạch như sau :

- Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định và Dịch vụ Tài chính có trách nhiệm nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch PCTN và việc chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức.

- Thời gian thực hiện báo cáo: Các Phòng và Trung tâm thực hiện gửi báo cáo định kỳ hàng quý vào ngày 07 của tháng cuối quý về phòng Thanh tra bằng văn bản và số liệu (theo mẫu đính kèm) để Phòng Thanh tra tổng hợp gửi báo cáo về Thanh tra tỉnh trước ngày 10 của tháng cuối quý báo cáo.

- Thời kỳ lấy số liệu báo cáo hàng quý như sau:

+ Báo cáo quý I: Số liệu lấy từ ngày 05/12 của năm trước đến ngày 05/3 của năm báo cáo;

+ Báo cáo quý II, III và quý IV: Số liệu lấy từ ngày 06 của tháng cuối quý trước đến ngày 05 của tháng cuối quý kỳ báo cáo.

Giao Chánh Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp với Chánh văn phòng Sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho Giám đốc và cấp trên theo quy định.

Giám đốc Sở yêu cầu các Phòng, Trung tâm và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này; đồng thời đề nghị các tổ chức đoàn thể trong đơn vị tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này. /.

Nơi nhận :

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Ban Giám đốc STC;
- VP, TTr, Các phòng, Trung tâm thuộc Sở; và các tổ chức đoàn thể cơ quan;
- Phòng TC-KH huyện, thị, thành;
- Lưu : VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Lan

An Giang, ngày tháng năm 201

**BÁO CÁO MỘT SỐ TÌNH HÌNH CHỦ YẾU
 VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG QUÝ: _____ NĂM
 (Kèm theo Báo cáo số /BC... ngày / /2019 của ...)**

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
01	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
02	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
03	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
04	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
05	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		
06	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
07	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
08	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	
09	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG		
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>		

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG		
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Vụ	
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Người	
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội T.những ít nghiêm trọng;	Người	
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	
43	+ Số đối tượng phạm tội T.những rất nghiêm trọng;	Người	
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.</i>		
49	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền VN)	Triệu đồng	
50	+ Đất đai	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		
51	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền VN)	Triệu đồng	
52	+ Đất đai	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
53	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền VN)	Triệu đồng	
54	+ Đất đai	m ²	

Ghi chú: Lưu ý khi báo cáo không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu.

Người báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký và ghi rõ họ tên)